

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN BIÊN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/DS-ST  
Ngày: 06-5-2022  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài  
sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Na.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hồ Thị Mỹ Phượng;
2. Bà Trần Thị Bạch Tuyết.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 93/2021/TLST-DS, ngày 21 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-DS ngày 17/02/2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lê Thị C, sinh năm 1970;

Cư trú tại: Số 437, đường T, khu phố N, phường S, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị C: Anh Lê Anh Q, sinh năm 1985. Cư trú tại: Số 290, đường Nguyễn Văn L, ấp P, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 20/5/2021), có mặt.

**- Bị đơn:**

+ Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1964; có mặt.

+ Ông Trần Văn E, sinh năm 1969; có mặt.

Nơi đăng ký HKTT: ấp T, xã M, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Cùng cư trú tại: Tổ 9, ấp H, xã V, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 21/5/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị C và người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị C là anh Lê Anh Q trình bày:*

Bà Lê Thị C có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị K, ông Trần Văn E vay tiền nhiều lần, cụ thể các lần vay như sau:

- Ngày 12/5/2020 vay 20.000.000 đồng;
- Ngày 17/6/2020 (AL) nhằm ngày 06/8/2020 (DL) vay 110.000.000 đồng;
- Ngày 17/9/2020 vay 50.000.000 đồng;
- Ngày 01/10/2020 vay 12.000.000 đồng;
- Ngày 02/9/2020 (AL) nhằm ngày 18/10/2020 (DL) vay 10.000.000 đồng;
- Ngày 06/10/2020 (AL) nhằm ngày 20/11/2020 (DL) vay 420.000.000 đồng.

Tổng cộng bà K, ông E vay của bà 622.000.000 đồng. Khi vay bà K, ông E có ký biên nhận vay tiền của bà. Hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, bà K, ông E không thế chấp tài sản gì cho bà. Mục đích bà K, ông E vay tiền của bà để xây nhà. Từ khi vay, bà K, ông E có trả tiền lãi cho bà đến tháng 11/2020 thì ngưng không trả nữa, do thời gian đã lâu nên bà không nhớ số tiền lãi cụ thể bà K đã trả cho bà là bao nhiêu. Tiền nợ gốc, ngày 02/10/2021 bà K, ông E có trả cho bà 50.000.000 đồng, khi trả có làm giấy giao nhận tiền. Nay bà C khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà K, ông E hoàn trả số tiền nợ gốc 572.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

*Tại biên bản hòa giải ngày 22/10/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị K trình bày:*

Bà K thừa nhận có vay tiền của bà C nhiều lần cụ thể: Ngày 12/5/2020 vay 20.000.000 đồng; ngày 17/6/2020 (AL) vay 110.000.000 đồng; ngày 02/9/2020 vay 10.000.000 đồng; ngày 17/9/2020 (AL) vay 50.000.000 đồng; ngày 01/10/2020 vay 12.000.000 đồng. Tổng cộng bà vay của bà C số tiền 202.000.000 đồng, khi vay tiền bà có ký giấy nợ do bà C viết, bà thừa nhận chữ ký và chữ viết họ tên người vay tiền trong các giấy nợ do bà ký và viết. Khi vay tiền hai bên thỏa thuận lãi suất 10%/tháng, mục đích bà vay tiền để chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình. Khi vay bà không cầm cố hay thế chấp tài sản gì cho bà C. Bà đã trả tiền lãi hàng tháng cho bà C từ khi vay đến tháng 10 năm 2020 được tổng số tiền là 200.000.000 đồng, khi trả tiền do tin tưởng với nhau nên hai bên không viết giấy giao nhận tiền. Từ tháng 11 năm 2020 đến nay bà không trả tiền lãi nữa, bà cũng không có chứng cứ gì để chứng minh. Đối với tiền nợ gốc bà đã trả cho bà C được số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 02/10/2021, khi trả tiền bà C có viết giấy nhận tiền. Hiện nay bà còn nợ bà C số tiền 152.000.000 đồng.

Đối với giấy nợ ngày 06/10/2020 (AL) ghi vay số tiền 420.000.000 đồng mà bà C giao nộp cho Tòa án có đề chữ viết người mượn tiền là “Trần Văn E” vay

420.000.000 đồng bà không biết, bà cũng không vay số tiền này, do đó bà không đồng ý trả số tiền này.

Nay bà C khởi kiện yêu cầu bà và ông E hoàn trả số tiền 572.000.000 đồng bà không đồng ý vì bà còn nợ bà C số tiền 152.000.000 đồng, bà đồng ý trả bà C số tiền 152.000.000 đồng. Số tiền lãi bà đã trả cho bà C lãi suất 10%/tháng với tổng số tiền 200.000.000 đồng vượt quá quy định của pháp luật bà yêu cầu Tòa án tính lại lãi suất mà bà đã trả cho bà C.

*Tại biên bản hòa giải ngày 22/10/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Văn E trình bày:*

Việc bà K vợ ông vay tiền của bà C ông có biết, sau khi bà K ngưng trả tiền lãi cho bà C từ tháng 12 năm 2020 bà C có yêu cầu ông ra nhà bà C chốt số tiền nợ giữa bà K với bà C. Sau đó ông có đến nhà bà C chốt tiền nợ thì vợ chồng ông còn nợ bà C số tiền gốc 197.000.000 đồng và 60.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 257.000.000 đồng. Sau khi tính nợ xong ông có ký nhận vào giấy nợ đối với số tiền nợ 257.000.000 đồng và giấy gốc bà C giữ. Tuy nhiên ngoài lời trình bày của ông ra thì ông không có chứng cứ gì chứng minh rằng ông đã ký giấy nợ với bà C số tiền 257.000.000 đồng trong đó có 197.000.000 đồng tiền gốc và 60.000.000 đồng tiền lãi. Đối với số tiền 420.000.000 đồng giấy nợ đề ngày 06/10/2020 (AL) chữ viết “người mượn” Trần Văn E không phải là chữ viết của ông và vợ chồng ông cũng không vay của bà C số tiền nhiều như vậy.

Đối với số tiền nợ sau khi vợ ông thống nhất được với bà C là 152.000.000 đồng, thì ông đồng ý cùng bà K hoàn trả cho bà C số tiền 152.000.000 đồng, còn số tiền 420.000.000 đồng vợ chồng ông không vay của bà C nên ông không đồng ý trả.

#### **Tại phiên tòa:**

- *Ý kiến của nguyên đơn:* Yêu cầu bà K, ông E trả số tiền nợ gốc 572.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

- *Ý kiến của bị đơn:* Đồng ý trả cho bà C số tiền nợ gốc 142.000.000 đồng.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh:*

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội qui phiên tòa;

+ Về việc giải quyết vụ án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C. Buộc bà Nguyễn Thị K, ông Trần Văn E có trách nhiệm hoàn trả cho bà Lê Thị C số tiền nợ gốc 572.000.000 đồng, ghi nhận bà C không yêu cầu tính tiền lãi.

- Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị K, ông Trần Văn E phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

+ Về kiến nghị khắc phục: Không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C yêu cầu bà Nguyễn Thị K và ông Trần Văn E hoàn trả cho bà số tiền nợ gốc 572.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1.1] Bà Lê Thị C cho rằng: Bà có cho bà Nguyễn Thị K và ông Trần Văn E vay tiền 06 lần cụ thể: Ngày 12/5/2020 vay 20.000.000 đồng; ngày 17/6/2020 (AL) vay 110.000.000 đồng; ngày 17/9/2020 vay 50.000.000 đồng; ngày 01/10/2020 vay 12.000.000 đồng; ngày 02/9/2020 (AL) vay 10.000.000 đồng; ngày 06/10/2020 (AL) vay 420.000.000 đồng. Tổng cộng 06 lần bà K, ông E vay tiền của bà 622.000.000 đồng, cả 06 lần vay đều có làm giấy nợ, trong đó có 05 giấy nợ do bà K ký, ông E ký 01 giấy nợ ngày 06/10/2020 (AL) số tiền vay là 420.000.000 đồng. Sau khi vay, bà K có trả tiền nợ gốc cho bà 50.000.000 đồng, còn nợ lại bà 572.000.000 đồng.

[1.2] Bà Nguyễn Thị K, cho rằng: Bà thừa nhận có vay của bà C 05 lần với tổng số tiền là 202.000.000 đồng, cả 05 lần vay bà có ký giấy nợ do bà C viết. Từ khi vay, bà K có trả cho bà C số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng, hiện nay bà còn nợ lại bà C số tiền 152.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà K cho rằng bà chỉ còn nợ bà C số tiền 142.000.000 đồng. Xét thấy tại biên bản hòa giải ngày 22/10/2021 bà K thừa nhận có ký 05 giấy nợ vay của bà C tổng số tiền 202.000.000 đồng, ngày 02/10/2021 bà có trả cho bà C 50.000.000 đồng, bà còn nợ bà C 152.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà K trình bày ngoài lần trả 50.000.000 đồng tiền nợ gốc vào ngày 02/10/2021 cho bà C, bà không trả thêm cho bà C số tiền nợ gốc nào khác. Do đó bà K cho rằng bà còn nợ bà C số tiền 142.000.000 đồng là không có căn cứ.

[2] Xét việc ông Trần Văn E và bà Nguyễn Thị K cho rằng: Đối với giấy nợ đề ngày 06/10/2020 (AL) ghi nội dung “Ông Trần Văn E vợ tên Nguyễn Thị K có mượn của bà Lê Thị C số tiền 420.000.000 đồng” chữ viết người mượn “Trần Văn E” không phải là chữ viết của ông E và ông E, bà K cũng không vay của bà C số tiền 420.000.000 đồng, thấy rằng: tại Kết luận giám định số: 1471/KL-KTHS ngày 20/12/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: “Chữ viết gồm các từ “trần văn e” ở dòng cuối trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) với chữ viết của Trần Văn E trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M01 đến M08) là do cùng một người viết ra. Do đó việc ông E, bà K cho rằng ông, bà không vay số tiền 420.000.000 đồng của bà C là không có căn cứ.

[3] Bà K, ông E cho rằng trong thẻ nhớ có chứa file thu âm mà bà K giao nộp cho Tòa án, bà C có nói phần nợ của ông E còn 30.000.000 đồng, ông E đã trả

xong, ông không còn nợ khoản tiền nào của bà C do ông ký tên vay. Xét thấy tại biên bản đối chất ngày 26/4/2022 bà C và ông E đều thừa nhận số tiền 30.000.000 đồng là tiền ông E vay của bà C riêng, có viết giấy nợ riêng, không nằm trong số tiền bà C đang khởi kiện tại Tòa án. Ngày 02/10/2021 ông E đã trả số tiền 30.000.000 đồng cho bà C và bà C đã trả lại giấy nợ cho ông E. Do đó, việc ông E cho rằng ông chỉ còn nợ bà C 30.000.000 đồng và ông đã trả xong cho bà C, ông không còn nợ khoản tiền nào do ông ký tên vay của bà C là không có căn cứ.

[4] Xét việc bà Nguyễn Thị K cho rằng: Bà đã trả tiền lãi cho bà Lê Thị C từ ngày vay cho đến tháng 10 năm 2020 với mức lãi suất 10%/tháng là vượt quá quy định của pháp luật, bà yêu cầu Tòa án tính lại lãi suất mà bà đã trả cho bà C, xét thấy: Bà K cho rằng đã trả tiền lãi cho bà C tổng cộng 200.000.000 đồng, nhưng bà không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh cho việc bà đã trả tiền lãi cho bà C từ ngày vay cho đến tháng 10 năm 2020 với mức lãi suất 10%/tháng. Trong khi bà C thừa nhận bà K có trả tiền lãi cho bà theo mức lãi suất 3%/tháng và trả từ ngày vay đến tháng 11/2020. Như vậy tiền lãi bà C đã nhận được như sau:

- Ngày 12/5/2020 vay 20.000.000 đồng x 3%/tháng x 6 tháng (tính đến ngày 12/11/2020) = 3.600.000 đồng;

- Ngày 06/8/2020 vay 110.000.000 đồng x 3%/tháng x 03 tháng (tính đến ngày 06/11/2020) = 9.900.000 đồng;

- Ngày 17/9/2020 vay 50.000.000 đồng x 3%/tháng x 02 tháng (tính đến ngày 12/11/2020) = 3.000.000 đồng;

- Ngày 01/10/2020 vay 12.000.000 đồng x 3%/tháng x 01 tháng (tính đến ngày 01/11/2020) = 360.000 đồng;

- Ngày 18/10/2020 vay 10.000.000 đồng x 3%/tháng x 01 tháng (tính đến ngày 18/11/2020) = 300.000 đồng

Tổng số tiền lãi bà C đã nhận của bà K là: 3.600.000 đồng + 9.900.000 đồng + 3.000.000 đồng + 360.000 đồng + 300.000 đồng = 17.160.000 đồng.

\* Tiền lãi tính theo quy định của pháp luật từ ngày vay đến ngày xét xử vụ án như sau:

- Ngày 12/5/2020 vay 20.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 23 tháng 24 ngày = 3.950.000 đồng;

- Ngày 06/8/2020 vay 110.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 21 tháng = 19.173.000 đồng;

- Ngày 17/9/2020 vay 50.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 19 tháng 19 ngày = 8.147.000 đồng;

- Ngày 01/10/2020 vay 12.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 19 tháng 5 ngày = 1.909.000 đồng;

- Ngày 18/10/2020 vay 10.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 18 tháng 18 ngày = 1.543.000 đồng.

Tổng số tiền lãi tính theo quy định của pháp luật là: 34.722.000 đồng.

Xét thấy mặc dù bà C nhận tiền lãi của bà K 3%/tháng là trái với quy định của pháp luật, tuy nhiên nếu tính tiền lãi đến thời điểm xét xử thì số tiền lãi tính theo quy định của pháp luật nhiều hơn số tiền lãi mà bà C đã nhận của bà K và bà C không yêu cầu tính tiền lãi. Do đó, việc bà K yêu cầu Tòa án tính lại tiền lãi mà bà đã trả cho bà C vượt quá quy định của pháp luật là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C là có căn cứ chấp nhận, cần buộc bà Nguyễn Thị K và ông Trần Văn E có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Lê Thị C số tiền nợ gốc 572.000.000 đồng, ghi nhận bà C không yêu cầu tính tiền lãi.

[6] Về chi phí giám định: Bà Lê Thị C đã nộp tạm ứng chi phí giám định là 2.040.000 đồng, bà Chín tự nguyện chịu chi phí giám định. Ghi nhận bà Chín đã nộp xong.

[7] Về án phí:

- Bà Lê Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của bà chín được chấp nhận;

- Bà Nguyễn Thị K và ông Trần Văn E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 572.000.000 đồng mà bà K, ông E phải hoàn trả cho bà C.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C đối với bà Nguyễn Thị K và ông Trần Văn E về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**2.** Buộc bà Nguyễn Thị K và ông Trần Văn E có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Lê Thị C số tiền 572.000.000 (năm trăm bảy mươi hai triệu) đồng. Ghi nhận bà Lê Thị C không yêu cầu tính tiền lãi.

**3.** Về chi phí giám định: Bà Lê Thị C tự nguyện chịu 2.040.000 (hai triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng, ghi nhận bà C đã nộp xong.

**4.** Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị K và ông Trần Văn E phải chịu 26.880.000 (hai mươi sáu triệu tám trăm tám mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm;

- Bà Lê Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Lê Thị C 14.440.000 (mười bốn triệu bốn trăm bốn mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0005180 ngày 21/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

**5.** Kể từ ngày bà Lê Thị C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị K và ông Trần Văn E không chịu trả số tiền trên, thì hàng tháng bà Nguyễn Thị K và

ông Trần Văn E còn phải trả cho bà Lê Thị C số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

**6.** Bà Lê Thị C và bà Nguyễn Thị K và ông Trần Văn E có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**7.** Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- PKTNV TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THA DS huyện Tân Biên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Nguyễn Thị Na**